

Bản án số: 100/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/10/2021

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp Phú Trung, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị A về tranh chấp nuôi con chung: Anh Đỗ Hoàng P, sinh năm 1994. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 528/QL91 ấp VL, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 22/3/2021)

* Bị đơn: Anh Nguyễn Chí D, sinh năm 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TB B, xã VC, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:*

Chị với anh Nguyễn Chí D do quen biết và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang ngày 23/12/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên gia đình chồng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh P và có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06/4/2018. Nhưng đến tháng 10/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh D thường xuyên bạo lực với chị, còn có những lời lẽ xúc phạm gia đình chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Chí D.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06/4/2018, hiện đang sống với anh D. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Anh Đỗ Hoàng P người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về tranh chấp nuôi con trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Về con chung chị A sẽ có đủ điều kiện nuôi con do chị A có thu nhập ổn định hàng tháng trên 10.000.000 đồng, gia đình chị A cũng đang đi làm ở Bình Dương, khi chị An đi làm sẽ có người chăm sóc cho bé. Yêu cầu giao con chung cho chị A nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

** Tại tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Chí D trình bày:*

Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị A về hôn nhân do quen biết và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang ngày 23/12/2016. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06/4/2018. Nhưng đến tháng 10/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do con gửi nhà ngoại bị cắn ở bụng và lưng, chị A không nói anh biết, khi con nói anh mới biết, anh có la chị A và vợ chồng có cự cãi nên chị A bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và ly thân cho đến nay. Chị A yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh cũng còn thương vợ, thương con, mong muốn hàn gắn hòa giải đoàn tụ.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06/4/2018, hiện đang sống với anh. Trường hợp chị A kiên quyết ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Chí D. Về con chung đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06/4/2018 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp nuôi dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Anh Đỗ Hoàng P người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về tranh chấp nuôi con chung có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và thống nhất theo ý kiến của nguyên đơn đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06/4/2018 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp nuôi dưỡng con.

- Bị đơn anh Nguyễn Chí D đồng ý ly hôn chị Nguyễn Thị A. Về con chung anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06/4/2018, không yêu cầu cấp dưỡng. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Nguyễn Chí D.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06/4/2018 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Chí D có địa chỉ tại ấp TB B, xã VC, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị A và anh Đỗ Hoàng P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị A và anh P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Chí D do quen biết và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang ngày 23/12/2016. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A và anh D sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06/4/2018. Nhưng đến tháng 10/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi, anh D còn có những lời lẽ xúc phạm gia đình chị A, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho chị A và anh D hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Tại phiên tòa, chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D, anh D cũng đồng ý ly hôn chị A. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị A và anh D có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06/4/2018, hiện đang sống với anh D. Chị A đồng ý giao con cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của cháu Vi, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu V cho anh D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhưng anh D phải tạo điều kiện cho chị A đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Lẽ ra, chị A không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng anh D không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, khi có điều kiện và tình hình thời gian thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị Nguyễn Thị A yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Nguyễn Chí D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 168 ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06/4/2018 cho anh Nguyễn Chí D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Anh Nguyễn Chí D phải tạo điều kiện cho chị Nguyễn Thị A được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Chí D không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Chí D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0008232 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Minh Tâm